



CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI



HỘI NGHỊ PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH THUẾ;

HƯỚNG DẪN QTT TNDN VÀ TNCN 2017



PHẦN III: MỘT SỐ LƯU Ý VỀ QTT TNCN NĂM 2017





NỘI DUNG

I. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý KHI THỰC HIỆN QTT TNCN 2017

1. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN
2. HÌNH THỨC QTT TNCN
3. HỒ SƠ KHAI QTT TNCN
4. NƠI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN
5. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ QTT TNCN
6. ĐĂNG KÝ MST CHO NNT

II. CÁC TÌNH HUỐNG VƯỚNG MẮC THƯỜNG GẶP



VBPL VỀ THUẾ TNCN HIỆN HÀNH

LUẬT

- Luật số 04/2007/QH12
- Luật số 26/2012/QH13
- Luật số 71/2014/QH13

NGHỊ ĐỊNH

- Nghị định 65/2013/NĐ-CP
- Nghị định 91/2014/NĐ-CP
- Nghị định 12/2015/NĐ-CP

Công văn số 5749/CT-TNCN ngày 5/2/2018 hướng dẫn QTT TNCN

THÔNG TƯ

- VB hợp nhất số 05/VBHN-BTC ngày 14/3/2016
- Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013
- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014
- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 15/11/2014
- Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 30/7/2015
- Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016
- Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016
- Thông tư số 97/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN

1. Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai QTT nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế

TRỪ

CN có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau

CN có TN từ tiền lương, tiền công ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một đvị mà có thêm TN vắng lai bình quân tháng trong năm không quá 10 trđ đã được đvị trả TN khấu trừ thuế tại nguồn 10%

CN được NSDLĐ mua BH nhân thọ (trừ BH hưu trí tự nguyện), BH không bắt buộc khác có tích lũy về phí BH mà NSDLĐ hoặc DNBH đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Có trách nhiệm khai QTT và QTT thay cho CN có UQ

~~Không phát sinh trả TN từ tiền lương, tiền công trong năm 2017~~

Tổ chức trả thu nhập chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản

chậm nhất
ngày thứ 45

QTT đối với số thuế TNCN đã khấu trừ và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho NLD

TRỪ

chuyển đổi
loại hình DN,
kế thừa toàn
bộ nghĩa vụ
về thuế

CT TNHH

CTCP

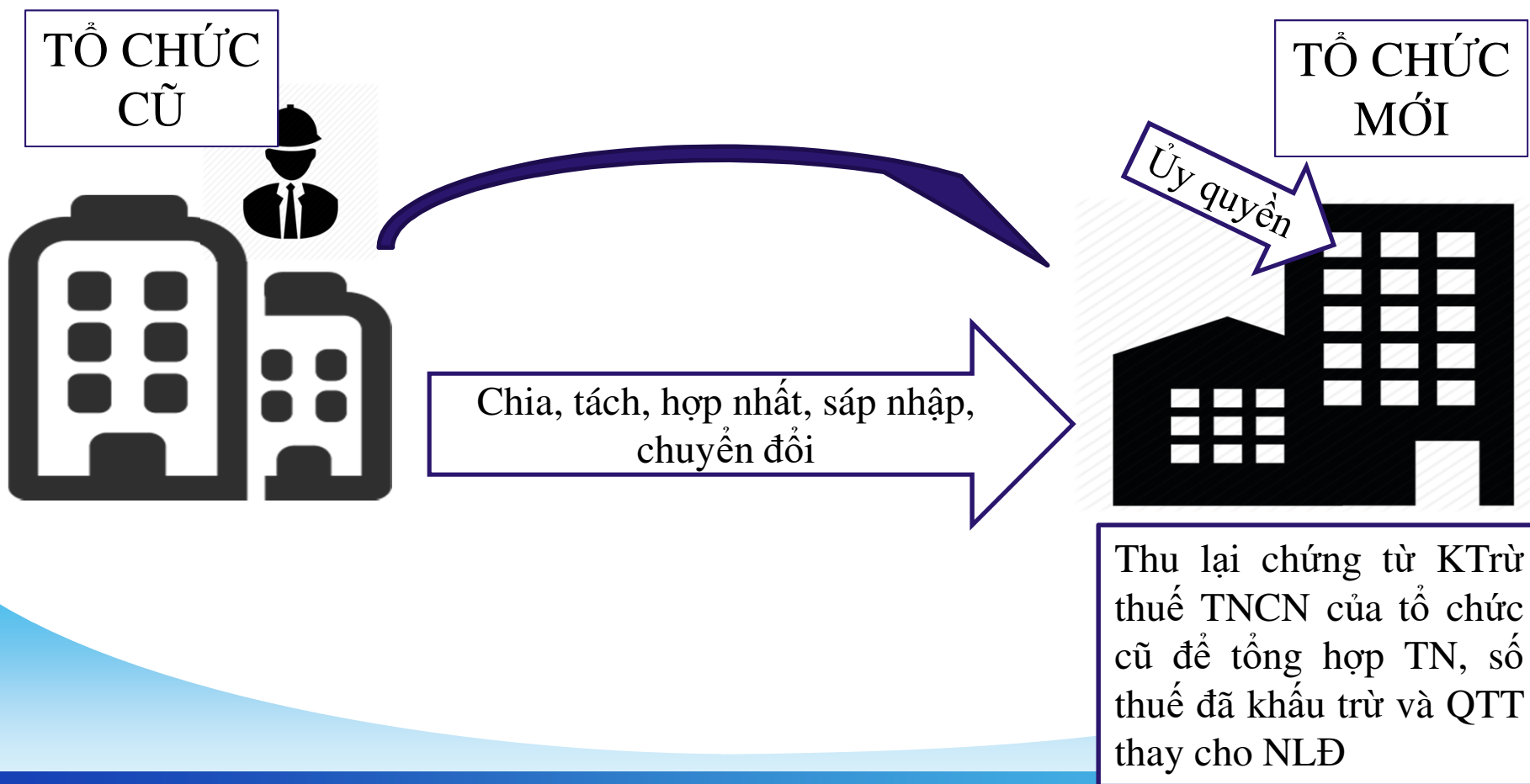
DN 100%
VỐN NN

CTCP



I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công





I. ĐỐI TƯỢNG PHẢI QTT TNCN (TIẾP)

2. Tổ chức trả thu nhập từ tiền lương, tiền công

Giải thể, chấm dứt hoạt động

Không thực hiện QTT TNCN

Phát sinh trả TN nhưng không phát sinh ktrừ thuế TNCN

Nộp danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm

Chậm nhất ngày thứ 45
Mẫu số 05/DS-TNCN

CQ THUẾ



II. HÌNH THỨC QTT TNCN

1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

CN có TN từ TL, TC+ ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một TCTTN và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm UQ QTT

NLĐ điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (sau khi tổ chức lại DN) + không có thêm TN từ TL, TC tại nơi khác

Điều chuyển NLĐ giữa các tổ chức trong cùng một hệ thống: Tập đoàn, Tổng CT, CT mẹ - con, Trụ sở chính và chi nhánh

CN có TN từ TL, TC + ký HĐLĐ từ 03th trở lên tại một TCTTN + có TN vắng lai ở nơi khác bq tháng không quá 10 trđ đã đc đvị trả TN ktrừ thuế 10%

không có yêu cầu QTT đối với TN vắng lai

UQ

có yêu cầu QTT đối với TN vắng lai

TỰ QT



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

1. Cá nhân ủy quyền quyết toán thuế qua tổ chức trả thu nhập

Cá nhân ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập quyết toán thay theo mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN

Tổ chức trả thu nhập có số lượng lớn người lao động ủy quyền quyết toán thuế lập danh sách các cá nhân ủy quyền trong đó phản ánh đầy đủ các nội dung tại mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

2. Cá nhân quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế

Đảm bảo ĐK được UQ tại điểm 1 nhưng đã được tổ chức trả thu nhập cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN (trừ trường hợp nộp lại)

Không đảm bảo ĐK được ủy quyền tại điểm 1

Cụ thể

CN chỉ có TN vãng lai đã khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10%

Cụ thể

CN có TN từ TL, TC ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị + có TN vãng lai chưa khấu trừ thuế



II. HÌNH THỨC QTT TNCN (TIẾP)

3. Trường hợp điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Không đảm bảo ĐK được ủy quyền



cấp chứng từ khấu trừ thuế

Công ty ... đã QTT TNCN thay cho Ông/Bà (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) ... của Phụ lục 05-1/BK-TNCN



MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Giảm trừ
cho bản
thân

CN cư trú trong
năm chưa tính
hoặc tính ko đủ
12 tháng

Giảm trừ đủ 12
tháng khi QTT

Giảm trừ
cho NPT

NPT đã đăng
ký và có đầy đủ
HS chứng
minh NNT

Được tính giảm
trừ năm 2017 kể
cả TH chưa được
CQT cấp mã.



MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

TH đăng ký
NPT sau
thời điểm
phát sinh
nghĩa vụ
nuôi dưỡng

HS đăng ký
khai **đúng**
thời điểm PS

Khi QTT được
tính đúng thời
điểm và **ko** phải
đăng ký lại

TH đăng ký
NPT sau
thời điểm
phát sinh
nghĩa vụ
nuôi dưỡng

HS đăng ký
khai **sau** thời
điểm PS

Khi QTT được
tính đúng thời
điểm và **phải** đăng
ký lại cùng hs
QTT



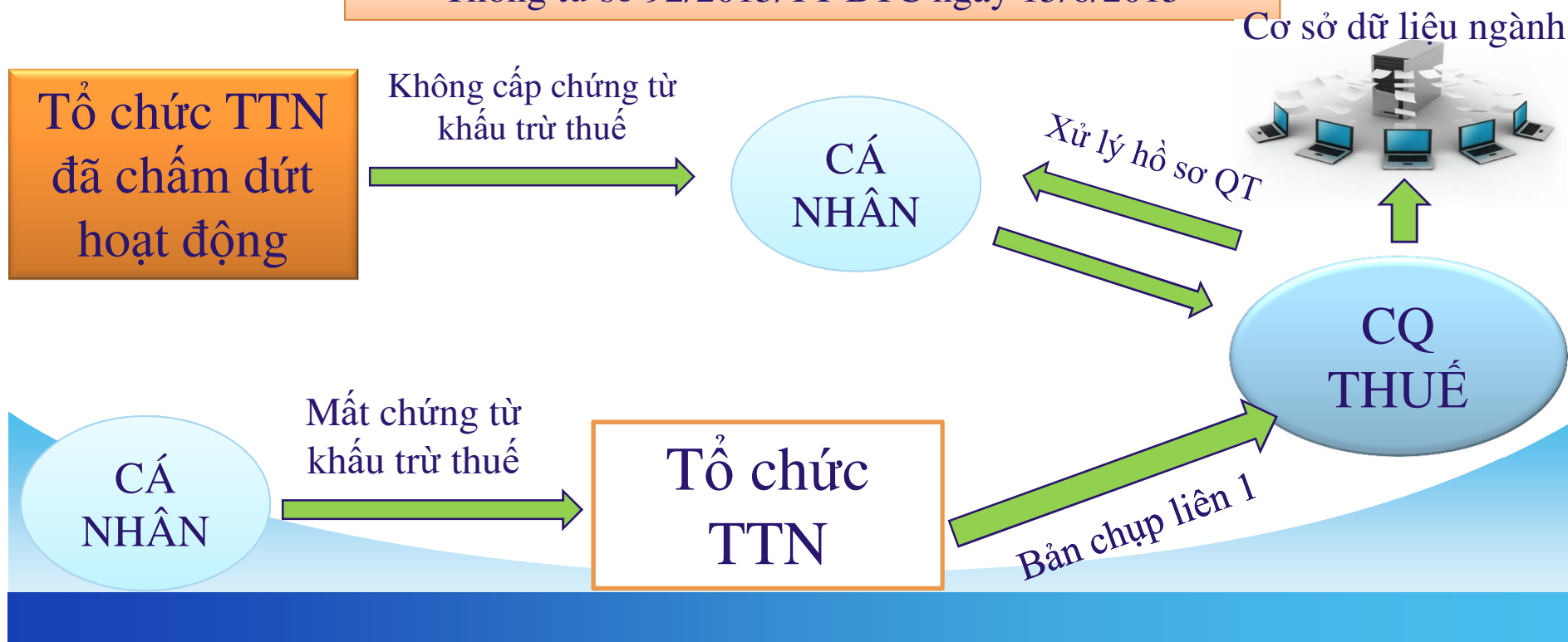
III. HỒ SƠ KHAI QTT TNCN

Điểm b.2, K1; điểm b.2, K2, Điều 16 TT 156/TT-BTC ngày 06/11/2013

Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014

Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014

Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015





IV. NƠI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN

Tổ chức TTN

Cơ sở sản xuất, kinh doanh

Cơ quan cấp huyện và các cơ quan thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện.

Cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, VPĐD của các tổ chức nước ngoài

Cơ quan Trung ương; cơ quan thuộc, trực thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh; cơ quan cấp tỉnh

CQT trực tiếp QL

CCT

CỤC THUẾ



IV. NƠI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN (TIẾP)

Cá nhân

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế trong năm

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên

CN đã tính GTGC cho bản thân tại TCTTN

Thay đổi nơi lv và tại TCTTN cuối cùng có tính GTGC

Thay đổi nơi lv và tại TCTTN cuối cùng không tính GTGC

CN chưa tính GTGC cho bản thân ở bất kỳ TCTTN nào

CN không ký HĐLĐ, hoặc ký HĐLĐ dưới 03 tháng, hoặc ký HĐ cung cấp DV có TN tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10%

CN trong năm có TN từ TL, TC tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm QT không làm việc tại TCTTN nào

CỤC THUẾ

CQT qly TCTTN

CCT nơi cư trú



V. THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ QTT TNCN

TCTTN &
CÁ NHÂN

chậm nhất là ngày thứ
90 kết thúc năm
dương lịch

CN cư trú là
người nước
ngoài

chậm nhất là
ngày thứ 45



**XUẤT
CẢNH**



VI. ĐĂNG KÝ MST CHO NNT

Thời hạn thực hiện đăng ký thuế:

- Thời hạn đăng ký thuế cho NPT cùng thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký giảm trừ gia cảnh.
- TCTTN thực hiện đăng ký thuế cho NNT và NPT một lần trong năm chậm nhất là 10 ngày làm việc trước thời điểm nộp HS QTT TNCN hàng năm/



Địa điểm nộp HS ĐKT



Cá nhân nộp HS ĐKT trực tiếp

Tại Cục Thuế cá nhân thường trú tại VN: CN nước ngoài sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại

Tại Cục Thuế trực tiếp quản lý nơi CN làm việc: CN cư trú có thu nhập do các TC QT, ĐSQ, Lãnh sự quán trả nhưng chưa thực hiện khấu trừ thuế

Tại Cục Thuế nơi phát sinh công việc tại VN : CN cư trú có thu nhập do các TC, CN trả từ nước ngoài (CN ko làm việc tại VN)

Tại CCT nơi cá nhân cư trú (nơi đk thường trú hoặc tạm trú)



MỘT SỐ TÌNH HUỐNG VƯỞNG MẮC

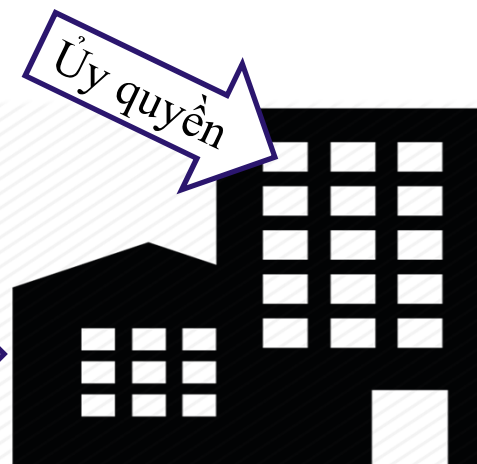


Tình huống 1: QTT đối với điều chuyển lao động

Chi nhánh A



Chi nhánh B



Điều chuyển lao động trong cùng tập đoàn, tổng công ty, CN lên trụ sở

Thu lại chứng từ KTrừ thuế TNCN của tổ chức cũ để tổng hợp TN, số thuế đã khấu trừ và QTT thay cho NLD



Khai thuế đối với bên điều chuyển và bên nhận điều chuyển?

Bên điều chuyển

Cấp chứng từ khấu trừ

Kê khai trên Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN, ko tích vào ô ủy quyền


Bên nhận điều chuyển

Thu lại chứng từ

Kê khai trên Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN, tích vào ô ủy quyền

Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ, bao gồm cả phần khấu trừ tại đơn vị điều chuyển.

CV)

Các khoản giảm trừ					Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ 	Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT	Chi tiết kết quả quyết	
Số lượng NPT tính giảm trừ	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ				Tổng số thuế phải nộp	Số
[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	
0	108.000.000	0	0	0	92.000.000	10.000.000	0	0	
0	108.000.000	0	0	0	142.000.000	15.000.000	0	0	
0	216.000.000	0	0	0	234.000.000	25.000.000	0	0	

CV 407/TCT-CS ngày 29/1/2018

tờ khai

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax:

[19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:

Ngày:

[48] Cơ quan thuế cấp cục: HAN - Cục Thuế Thành phố Hà Nội

[49] Cơ quan thuế quản lý: Cục Thuế Thành phố Hà Nội

. Nghĩa vụ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Đơn vị tính	Số người/đ
1	Tổng số người lao động:	[21]	Người	
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	
2	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [23]=[24]+[25]	[23]	Người	
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	
2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[26]	Người	
4	Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh	[27]	Người	
5	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trả cho cá nhân [28]=[29]+[30]	[28]	VND	
5.1	Cá nhân cư trú	[29]	VND	
5.2	Cá nhân không cư trú	[30]	VND	
6	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [31]=[32]+[33]	[31]	VND	
6.1	Cá nhân cư trú	[32]	VND	
6.2	Cá nhân không cư trú	[33]	VND	0
7	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ [34]=[35]+[36]	[34]	VND	22.000.000
7.1	Cá nhân cư trú	[35]	VND	22.000.000
7.2	Cá nhân không cư trú	[36]	VND	0
8	Tổng số thuế được giảm do làm việc tại khu kinh tế [37]=[38]+[39]	[37]	VND	0

Sửa chỉ tiêu này bằng với số thuế TNCN đã khấu trừ do đơn vị nhận điều chuyển đã khấu trừ của đơn vị mình.



Tình huống 2: Chính sách thuế TNCN đối với khoản thu nhập cá nhân nhận được khi nghỉ việc

CÔNG TY

Thanh toán các khoản chấm dứt HĐLĐ

NLĐ

Ký HĐ học việc

Khấu trừ 10% khi chi trả thu nhập từ 2 triệu đồng trở lên

Khoản trợ cấp thôi việc theo Luật BHXH & Bộ Luật LĐ => **không tính vào TNCN của NLĐ**

Khoản tiền lương, tiền công => **khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần**

Khoản hỗ trợ tài chính (sau khi NLĐ nghỉ việc) ngoài qđ của Luật BHXH & Luật LĐ => **khấu trừ 10% khi chi trả 2 triệu đồng trở lên**

CV
70534/CT-
TTHT ngày
31/10/2017

NV THỰC TẬP



Tình huống 3: CST TNCN đối với khoản chi phí làm thẻ tạm trú, visa, giấy phép lao động cho NLĐ nước ngoài



Công ty có thuê lao động nước ngoài chi phí theo quy định của pháp luật VN liên quan đến việc bổ nhiệm cá nhân như chi phí làm giấy phép lao động, visa, thẻ tạm trú được công ty trả toàn bộ. Vậy các khoản chi này có tính vào thu nhập chịu thuế TNCN?



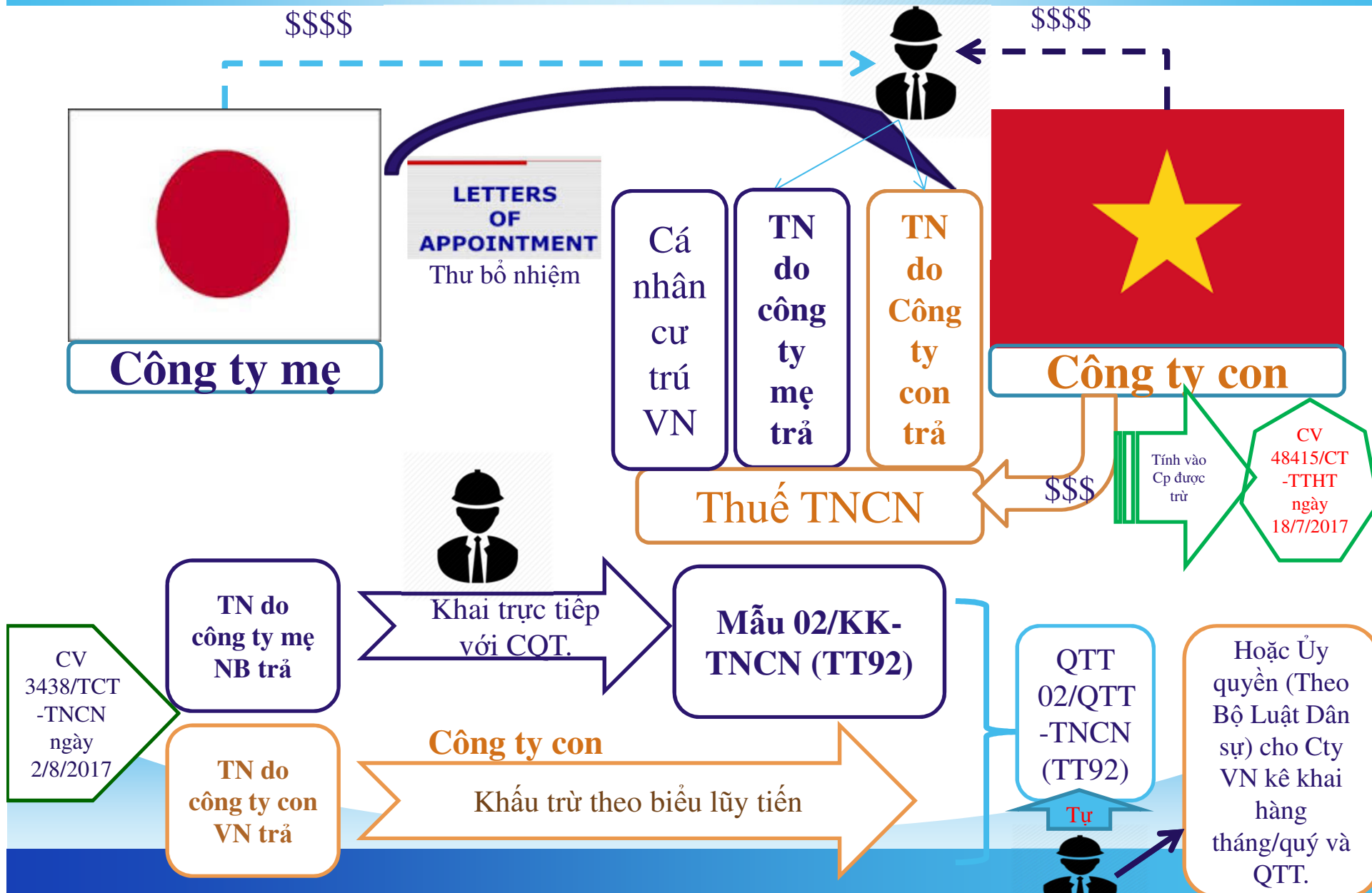
Chi phí làm thẻ tạm trú, visa cho NLĐ nước ngoài **do công ty chi trả thay** cho NLĐ → tính vào TNCT TNCN của NLĐ

Chi phí làm giấy phép lao động **do công ty có trách nhiệm làm và chi trả** → không tính vào TNCT TNCN của NLĐ

CV 3867/TCT-TNCN ngày 25/8/2017 của TCT và CV 60185/CT-TTHT ngày 5/9/2017 của Cục Thuế TP HN



Tình huống 4: kê khai, nộp thuế TNCN đối với lao động nước ngoài cư trú tại VN.





Tình huống 5: Thuế TNCN đối với khoản khoản chi điện thoại

CV 45/TCT-TNCN
ngày 4.1.2018



Khoản chi điện thoại



Quy định về mức hưởng, điều kiện hưởng tại 1 trong các hồ sơ: HĐLĐ; quy chế tài chính, thỏa ước LĐ,....

Chi phí được trừ
khi tính TNCT
TNDN

Phần vượt
mức khoán
chi tính vào
TNCT
TNCN của
NLĐ

Được trừ khi xác
định thu nhập chịu
thuế TNCN



Tình huống 6: Cá nhân có thu nhập từ hoạt động tư vấn thiết kế, có chứng chỉ hành nghề độc lập

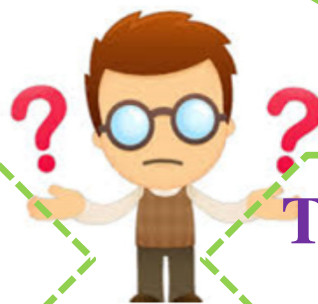


**DESIGN
CONTRACT**

Cá nhân ký
hợp đồng
dịch vụ tư
vấn thiết kế
với công ty
thiết kế theo
hợp đồng
giao khoán

TNCN

Thu nhập từ hoạt động
kinh doanh



Thu nhập từ tiền lương,
tiền công



Tình huống 6: Cá nhân có thu nhập từ hoạt động tư vấn thiết kế, có chứng chỉ hành nghề độc lập

THE ANSWER

Có đăng ký thuế, ĐKKD

Tổng thu nhập trong năm trên 100tr

- Đ1 TT92/2015/TT-BTC
- Đ a, K1, Đ3 TT 92/2015/TT-BTC
- K 1 Đ7 TT 92/2015/TT-BTC
- K1 Đ6 Luật TM số 36/2005/QH11



Tự kê khai, nộp thuế theo quy định

Không ĐKKD

Từ 2tr trở lên cho một lần chi trả



- Đ c, K2, Đ2 TT 111/2013/TT-BTC
- Đ i, K1, Đ25 TT 111/2013/TT-BTC

Tổ chức trả thu nhập
Khấu trừ 10% trước mỗi lần chi trả



TÌNH HUỐNG 7: THUẾ TNCN ĐÔI VỚI TIỀN BỒI THƯỜNG HĐ



Tiền bồi thường
hợp đồng có chịu
thuế TNCN



Khoản Bồi thường vi phạm hợp đồng

Điểm 12.3 mục III Thông tư 84 quy định về khoản TN được miễn thuế:

“12.3. Thu nhập từ bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật.

Điểm n khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC quy định về thu nhập được miễn thuế:

n) Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe; tiền bồi thường tai nạn lao động; tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; các khoản bồi thường Nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định của pháp luật về bồi thường Nhà nước.



TÌNH HUỐNG 8: THUẾ TNCN ĐỐI VỚI KHOẢN ĐÓNG GÓP VÀO HỘI KHUYẾN HỌC

Công văn số 2145/TCT-TNCN ngày 22/05/2017 của Tổng cục Thuế.



**Được tính
giảm trừ khi
tính thuế
TNCN.**

Vì mục đích khuyến học theo quy
định tại Nghị định
số 30/2012/NĐ-CP ngày
12/4/2012 của CP



TÌNH HUỐNG 9: THUẾ TNCN ĐỐI VỚI KHOẢN THU NHẬP TRẢ CHO NGƯỜI THỪA KẾ

Công văn số 2087/TCT-TNCN ngày 19/05/2017 của Tổng cục Thuế



Không khấu trừ thuế thu nhập cá nhân khi trả cho người thừa kế



HƯỚNG DẪN NỘP TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TRÊN TRANG THUẾ ĐIỆN TỬ

Truy cập trang: thuementu.gdt.gov.vn

DỊCH VỤ THUẾ ĐIỆN TỬ (ETAX SERVICES)

ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG

Hệ thống Thuế điện tử

DOANH NGHIỆP >

CÁ NHÂN >

TỔ CHỨC KINH SỬ DỤNG CHỨNG KÝ SỐ >

Từ ngày 11/12/2017, Tổng cục Thuế cung cấp dịch vụ Thuế điện tử cho các doanh nghiệp thuộc quản lý của Cục Thuế và các Chi cục Thuế thuộc các tỉnh: Phú Thọ, Bắc Ninh. Hệ thống này tích hợp và thay thế 02 hệ thống khai thuế (<http://nhantokha.gdt.gov.vn>) và nộp thuế (<http://nophthu.gdt.gov.vn>) hiện tại, cho phép doanh nghiệp khai thuế, nộp thuế trực tiếp, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử trên cùng một hệ thống.

Cách đăng nhập và sử dụng dịch vụ như sau:

- Đối với doanh nghiệp lần đầu tiên đăng ký giao dịch điện tử với Cơ quan thuế, thực hiện đăng ký sử dụng dịch vụ trên hệ thống Dịch vụ Thuế điện tử nêu trên.
- Đối với doanh nghiệp đã đăng ký giao dịch điện tử với Cơ quan thuế (đã có tài khoản giao dịch khai thuế, nộp thuế điện tử với Cơ quan thuế), đăng nhập hệ thống Thuế điện tử như sau:
 - Sử dụng tài khoản NST-NT (ví dụ: 0100251026-NT), mật khẩu là mật khẩu đăng nhập vào hệ thống Nộp thuế điện tử hiện tại có sử dụng dịch vụ Nộp thuế.
 - Sử dụng tài khoản MGT (ví dụ: 0100201226), mật khẩu là mật khẩu đăng nhập vào hệ thống Khai thuế điện tử hiện tại có sử dụng dịch vụ Khai thuế, Hoàn thuế.



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

